VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /2026/VBHN-TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa chương trình giáo dục mầm non; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục mầm non

Thông tư số 49/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa chương trình giáo dục mầm non; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục mầm non, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy chế tổ chức, hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa Chương trình giáo dục mầm non, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 49/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục mầm non;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa chương trình giáo dục mầm non; Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục mầm non[1].

---

[1] Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT có căn cứ ban hành như sau:
"*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;*
Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa chương trình giáo dục mầm non; quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động, tiêu chuẩn, số lượng và cơ cấu thành viên của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục mầm non (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định).

2. Thông tư này áp dụng đối với việc biên soạn, chỉnh sửa chương trình giáo dục mầm non; Hội đồng thẩm định chương trình giáo dục mầm non; tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Chương trình giáo dục mầm non

1.[2] Chương trình giáo dục mầm non được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa đường lối, quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Chương trình thể hiện mục tiêu giáo dục mầm non (mục tiêu tổng thể và mục tiêu của từng giai đoạn gồm trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo), quy định yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực sau khi hoàn thành giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo; quy định nội dung, hoạt động, phương pháp, hình thức, môi trường giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ em, điều kiện để bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

2. Chương trình giáo dục mầm non gồm chương trình nhà trẻ và chương trình mẫu giáo, được sử dụng thống nhất trong cả nước và được tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục mầm non.

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy chế tổ chức, hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa Chương trình giáo dục mầm non, tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 49/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo."

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

Chương II

TIÊU CHUẨN, QUY TRÌNH BIÊN SOẠN, CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

Điều 3. Nguyên tắc biên soạn chương trình giáo dục mầm non

1. Quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; đảm bảo tính đồng bộ giữa việc ban hành chương trình và các quy định liên quan.

2. Đảm bảo tính chính xác khoa học; hài hòa giữa bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; thống nhất thực hiện trong toàn quốc, đồng thời đảm bảo được phát triển phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục mầm non, địa phương và vùng miền.

3. Đảm bảo tính đồng tâm phát triển, liên thông giữa các lứa tuổi, các lĩnh vực phát triển và liên thông với chương trình giáo dục phổ thông.

4. Kế thừa ưu điểm của chương trình hiện hành, đồng thời tham khảo tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục phát triển; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Điều 4. Tiêu chuẩn chương trình giáo dục mầm non

1. Quan điểm biên soạn chương trình giáo dục mầm non thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục, các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về đổi mới chương trình giáo dục mầm non.

2. Mục tiêu chương trình giáo dục mầm non phải đảm bảo phát triển toàn diện trẻ em mầm non về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, ngôn ngữ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.

3. Nội dung chương trình giáo dục mầm non vừa đảm bảo tính cốt lõi, áp dụng đối với mọi trẻ em, đồng thời tạo cơ hội để trẻ em được tiếp cận với những nội dung giáo dục đáp ứng sự đa dạng của nhu cầu giáo dục, phù hợp với điều kiện và sự phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương, của nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục; đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non; không có định kiến xã hội về giới, sắc tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, tuổi, địa vị xã hội; bảo đảm phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em.

4. Phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục ở nhà trẻ phải tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em được tích cực hoạt động, vui chơi, giao lưu cảm xúc với người lớn; kích thích sự phát triển các giác quan, cảm xúc và các chức năng tâm sinh lý; ở mẫu giáo phải tạo điều kiện cho trẻ em được vui chơi, trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh bằng nhiều hình thức, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ em.

5.[3] Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực sau khi hoàn thành giáo dục nhà trẻ và giáo dục mẫu giáo phải cụ thể hóa được mục tiêu chương trình, đảm bảo tính khoa học, phù hợp với đặc điểm phát triển tâm sinh lý của trẻ em.

6. Thời lượng của chương trình giáo dục mầm non được thiết kế phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam.

7. Chương trình giáo dục mầm non phải có định hướng về các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, môi trường giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ em.

8. Chương trình giáo dục mầm non phải có yêu cầu về điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình của cơ sở giáo dục mầm non, gồm: tổ chức và quản lý nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, đồ chơi học liệu, đồ dùng, tài liệu; phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và cộng đồng.

9. Có quy định về phát triển chương trình giáo dục nhà trường gắn với văn hóa, điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục mầm non và địa phương.

10. Các thuật ngữ chính (nếu có) được giải thích; thể thức, kỹ thuật trình bày bảo đảm quy định hiện hành.

Điều 5. Quy trình biên soạn chương trình giáo dục mầm non

1. Đánh giá chương trình giáo dục mầm non hiện hành.
2. Định hướng biên soạn chương trình giáo dục mầm non.
3. Biên soạn dự thảo chương trình giáo dục mầm non.
4. Thử nghiệm, thí điểm[4] và điều chỉnh chương trình giáo dục mầm non.
5. Thẩm định và ban hành chương trình giáo dục mầm non.

Điều 6. Quy trình chỉnh sửa chương trình giáo dục mầm non

Quy trình chỉnh sửa chương trình giáo dục mầm non thực hiện như quy trình biên soạn[5] chương trình giáo dục mầm non, trừ quy định về thử nghiệm và thí điểm[6] chương trình.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

[4] Từ ", thí điểm" được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

[5] Từ "xây dựng" được thay thế bởi từ "biên soạn" theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

[6] Cụm từ "và thí điểm" được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

Điều 7. Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định là tổ chức giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định chương trình giáo dục mầm non; chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

2. Hội đồng thẩm định bao gồm nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhà khoa học có kinh nghiệm, uy tín về giáo dục và đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan. Hội đồng thẩm định phải có ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên là cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non và giáo viên mầm non cốt cán. Số lượng thành viên Hội đồng thẩm định phải là số lẻ, tối thiểu là bảy (07) người.

3. Cơ cấu Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

Điều 8. Tiêu chuẩn các thành viên Hội đồng thẩm định

1. Thành viên Hội đồng thẩm định có các tiêu chuẩn sau đây

a) Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; có đủ sức khỏe và thời gian tham gia thẩm định chương trình;

b) Có trình độ Đại học trở lên; có kinh nghiệm, có uy tín, có trình độ chuyên môn, am hiểu về khoa học giáo dục và chương trình giáo dục mầm non;

c) Đã tham gia xây dựng hoặc thẩm định chương trình giáo dục mầm non hoặc có hoạt động liên quan, đóng góp cho việc xây dựng hoặc thẩm định chương trình giáo dục mầm non hoặc có ít nhất sáu (06) năm trực tiếp giảng dạy ở cơ sở giáo dục mầm non.

2. Người tham gia xây dựng chương trình thì không tham gia thẩm định chương trình.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng thẩm định

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thẩm định

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động của Hội đồng thẩm định;

b) Tổ chức thẩm định chương trình theo đúng yêu cầu và thời gian quy định;

c) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng thẩm định;

d) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của hội đồng;

e) Kiến nghị thay đổi thành viên của Hội đồng thẩm định;

g) Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định một số nội dung công việc cụ thể. Nội dung ủy quyền được thể hiện bằng văn bản và được lưu trong hồ sơ làm việc của Hội đồng thẩm định;

h) Phối hợp với đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định để xử lý các tình huống phát sinh bất thường trong quá trình thẩm định;

i) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định

a) Chịu trách nhiệm về các nội dung công việc do Chủ tịch Hội đồng thẩm định giao hoặc ủy quyền;

b) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Hội đồng thẩm định

a) Giúp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và tổ chức các phiên họp của Hội đồng thẩm định;

b) Lập biên bản, báo cáo tổng hợp các ý kiến, kiến nghị trong các phiên họp của Hội đồng thẩm định; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực về nội dung biên bản các cuộc họp của Hội đồng thẩm định;

c) Dự thảo kết luận của Chủ tịch Hội đồng về mức kết quả thẩm định chương trình;

d) Trong thời hạn không quá mười hai (12) ngày làm việc sau khi Hội đồng thẩm định có báo cáo kết luận phải tập hợp và chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan cho đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Hội đồng thẩm định

a) Được quyền yêu cầu cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan để phục vụ công tác thẩm định;

b) Nghiên cứu bản thảo chương trình, các tài liệu liên quan do đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định cung cấp;

c) Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về dự thảo chương trình trong các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; viết đánh giá, nhận xét về dự thảo chương trình theo các mẫu của Hội đồng thẩm định. Mỗi thành viên Hội đồng thẩm định không được vắng quá một phần ba

(1/3) tổng số cuộc họp trong một quy trình thẩm định chương trình quy định tại Điều 10 Thông tư này. Trường hợp không tham gia cuộc họp của Hội đồng thẩm định thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định và gửi ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản đựng trong phong bì được niêm phong gửi cho người chủ trì trước thời điểm tổ chức cuộc họp;

d) Chịu trách nhiệm về các ý kiến nhận xét, đánh giá trong quá trình thẩm định chương trình;

đ) Được quyền bảo lưu các ý kiến cá nhân; được gửi các ý kiến cá nhân tới đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định bằng văn bản;

e) Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định giao.

Điều 10. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, khách quan, trung thực.

2. Cuộc họp của Hội đồng thẩm định được coi là hợp lệ khi có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt), Thư ký và ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng thẩm định tham gia, các thành viên vắng mặt đã gửi ý kiến bằng văn bản đựng trong phong bì được niêm phong gửi cho người chủ trì cuộc họp. Trong các cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải có đại diện đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định.

3. Kết quả mỗi cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải được ghi thành biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp phải có chữ ký của người chủ trì cuộc họp, Thư ký Hội đồng thẩm định, đại diện đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định.

4. Trong quá trình thẩm định, Hội đồng thẩm định đề xuất với đơn vị tổ chức thẩm định xin ý kiến chuyên môn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu cần thiết).

Điều 11. Quy trình thẩm định chương trình

1. Thành viên Hội đồng thẩm định đọc thẩm định: Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước phiên họp đầu tiên của Hội đồng thẩm định, dự thảo chương trình được gửi cho các thành viên Hội đồng thẩm định; thành viên Hội đồng thẩm định đọc, nghiên cứu dự thảo và ghi nhận xét về dự thảo theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Họp Hội đồng thẩm định để tiến hành thảo luận chung về dự thảo theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá dự thảo

a) Đánh giá và xếp loại dự thảo theo từng tiêu chí vào một trong ba loại: "Đạt", "Đạt nhưng cần sửa chữa", "Chưa đạt";

b) Đánh giá chung và xếp dự thảo vào một trong ba loại: "Đạt", "Đạt nhưng cần sửa chữa", "Chưa đạt";

- Dự thảo được xếp loại bằng phiếu "Đạt" nếu kết quả đánh giá theo tất cả các tiêu chí đều thuộc loại "Đạt";

- Dự thảo được xếp loại bằng phiếu "Đạt nhưng cần sửa chữa" nếu kết quả đánh giá có tất cả các tiêu chí đều thuộc loại "Đạt" và "Đạt nhưng cần sửa chữa";

- Dự thảo được xếp loại bằng phiếu "Chưa đạt" đối với các trường hợp còn lại.

4. Hội đồng thẩm định đánh giá dự thảo chương trình

a) Nếu dự thảo có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng thẩm định tham gia đánh giá xếp loại bằng phiếu "Đạt" thì dự thảo được gửi cho cơ quan tổ chức thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Nếu dự thảo có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng thẩm định tham gia đánh giá, xếp loại bằng phiếu "Đạt" và "Đạt nhưng cần sửa chữa", sau 15 ngày kể từ khi có kết luận của Chủ tịch Hội đồng, cơ quan soạn thảo cần gửi bản chỉnh sửa, giải trình về Chủ tịch[7] Hội đồng cho ý kiến đánh giá thẩm định lại;

c) Đối với trường hợp "Chưa đạt", sau khi cơ quan biên soạn dự thảo chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện theo các góp ý của Hội đồng Thẩm định, dự thảo được thẩm định lại theo quy định tại khoản 1, 2, 3 điều này.

Điều 12. Chương trình làm việc của Hội đồng thẩm định

1. Thư ký Hội đồng thẩm định công bố Quyết định thành lập hội đồng.

2. Hội đồng thẩm định thông qua chương trình làm việc.

3. Đại diện cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn trình bày quá trình tổ chức biên soạn chương trình giáo dục mầm non.

4. Thành viên Hội đồng thẩm định trình bày ý kiến phản biện, nhận xét về chương trình giáo dục mầm non.

5. Đại diện cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn giải trình những vấn đề liên quan đến chương trình giáo dục mầm non, tài liệu theo đề nghị của thành viên Hội đồng thẩm định.

---

[7] Cụm từ "và 2 uỷ viên phản biện" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

6. Hội đồng thẩm định bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu thẩm định theo quy định.

7. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu; ghi biên bản kiểm phiếu; Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu. Trường hợp cho hai (02) hoặc ba (03) mức kết quả thẩm định bằng nhau thì kết quả bỏ phiếu căn cứ vào ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

8. Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết luận nội dung cuộc họp thẩm định.

9. Hội đồng thẩm định thông qua biên bản cuộc họp thẩm định.

10. Hội đồng thẩm định gửi Bộ trưởng báo cáo thẩm định sau năm (05) ngày kết thúc làm việc.

Điều 13. Đơn vị tổ chức thẩm định chương trình

Vụ Giáo dục mầm non chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Bộ trưởng tổ chức thẩm định chương trình và thực hiện các nhiệm vụ

1. Đề xuất danh sách các thành viên của Hội đồng thẩm định.

2. Chuẩn bị các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động của Hội đồng thẩm định.

3. Hướng dẫn Hội đồng thẩm định thực hiện mục đích và yêu cầu của việc thẩm định.

4. Tiếp nhận và chuyển dự thảo chương trình giáo dục mầm non đến từng thành viên của Hội đồng thẩm định; tiếp nhận hồ sơ và các đề xuất, kiến nghị của Hội đồng thẩm định để trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

5. Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc ban hành chương trình giáo dục mầm non.

6. Lưu trữ dự thảo, biên bản các cuộc họp của Hội đồng thẩm định và các tài liệu liên quan trong quá trình tổ chức thẩm định và bàn giao cho bộ phận lưu trữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo sau khi Hội đồng thẩm định hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 14. Hiệu lực thi hành[8]

---

[8] Điều 14 và Điều 16 của Thông tư số 51/2026/TT-BGDĐT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 14. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2026, trừ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10.

Điều 16. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng; Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2026
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Quyên Thanh

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để b/c);
- VP Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng TTĐT Bộ GD&ĐT; CSDLQG về PL;
- Lưu: VT, MN, PC.